TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29/01/2024
"V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Nam;
Ông Huỳnh Văn Đương.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Kim Đầy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh:*** Ông Lý Phước Bền, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 109/2023/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Thạch Thị H, sinh năm 1993. Địa chỉ: Ấp Hòa Th, xã Mỹ H, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Có mặt

- *Bị đơn:* Anh Sơn Sa R, sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp Hòa Th, xã Mỹ H, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Thạch Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2019 chị và anh Sơn Sa R, qua thời gian quen biết và tìm hiểu khoảng 02 năm rồi tiến tới hôn nhân, có tiến hành lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi cưới anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ H, huyện Cầu Ngang, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh R thường xuyên uống rượu,

không quan tâm vợ con nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cải về lối sống. Trước đây chị đã làm đơn xin ly hôn với anh R nhưng vì con nên chị cho anh R cơ hội sửa đổi nhưng anh R vẫn không thay đổi nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2023 cho đến nay. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Sơn Sa R.

- Về nuôi con tên: Sơn Xuân K, sinh ngày 10/6/2020 hiện tại chị H đang nuôi dưỡng. Chị H yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh R cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị không tranh chấp, không khởi kiện.

- Về số nợ phải thu, phải trả: Chị không tranh chấp, không khởi kiện. Ngoài ra, chị không có yêu cầu gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Sơn Sa R trình bày: Quá trình xác lập hôn nhân chị H trình bày là đúng. Quá trình chung sống, giữa vợ chồng thường xuyên cự cải về lối sống, khi vợ chồng xảy ra cự cải thì vợ bỏ nhà đi từ tháng 10/2023 cho đến nay, vợ chồng không quan tâm chăm sóc đến nhau làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Nay vợ yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn với chị Thạch Thị H.

- Về nuôi con tên: Sơn Xuân K, sinh ngày 10/6/2020, vợ chồng nuôi dưỡng nhưng khi anh đi làm thuê thì vợ đã ẩm con về bên gia đình vợ sống từ tháng 10/2023 cho đến nay, hiện tại vợ đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi dưỡng con, không yêu cầu vợ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và số nợ phải thu, phải trả của vợ chồng: Anh không tranh chấp, không khởi kiện. Ngoài ra, anh không có yêu cầu gì khác.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định của pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều được tống đạt đầy đủ cho các đương sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh Sơn Sa R. Về con chung tên Sơn Xuân K, sinh ngày 10/6/2020, hiện tại chị H đang nuôi dưỡng, đảm bảo sự phát triển của cháu K. Căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị H được tiếp tục nuôi con chung tên Sơn Xuân K, sinh ngày 10/6/2020. Về cấp

dưỡng nuôi con, tài sản chung và số nợ phải thu phải trả, chị H và anh R không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét .

- Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Thạch Thị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Phần kiến nghị: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Chị Thạch Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con với anh Sơn Sa R, địa chỉ: Ấp Hòa Th, xã Mỹ H, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang.

[3] *Về hôn nhân*: Vào năm 2019 chị H và anh R xác lập hôn nhân, sau khi cưới chị H và anh R cùng đến Ủy ban nhân dân xã Mỹ H, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh để đăng ký kết hôn theo quy định. Từ đó xác định hôn nhân giữa chị H và anh R là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị H trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng chị là do anh anh R thường xuyên uống rượu, không quan tâm vợ con nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cải về lối sống. Trước đây chị đã làm đơn xin ly hôn với anh R nhưng vì con nên chị cho anh R cơ hội để sửa đổi tính tình nhưng anh R vẫn không thay đổi nên vợ chồng chị sống ly thân từ tháng 10/2023 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị cương quyết ly hôn với anh Sơn Sa R.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh R trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng anh là do xảy ra cự cải về lối sống nên vợ bỏ nhà đi từ tháng 10/2023 cho đến nay. Khi vợ bỏ nhà đi thì anh có đến gặp vợ để tìm phương án hàn gắn nhưng vợ không đồng ý nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2023 cho đến nay, vợ không còn thương yêu anh. Nay vợ yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Xét thấy trong quá trình chung sống, giữa chị H và anh R có xảy ra cự cải về lối sống nên vợ chồng chị H đã sống ly thân từ tháng 10/2023 cho đến nay, vợ chồng không quan tâm nhau. Tại phiên tòa hôm nay, chị H xác định chị không còn tình cảm với anh R, chị cương quyết xin ly hôn với anh R và anh R

cũng đồng ý ly hôn với chị H. Từ đó xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh R là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị H, về hôn nhân xử cho chị Thạch Thị H được ly hôn với anh Sơn Sa R.

[4] *Về nuôi con:* Chị H và anh R có một con chung tên Sơn Xuân K, sinh ngày 10/6/2020. Quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh R đều có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, hiện tại chị H và anh R đều đi làm thuê. Xét thấy thời gian vợ chồng chị H sống ly thân, chị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung chung tên Sơn Xuân K, sinh ngày 10/6/2020, đảm bảo sự phát triển của cháu K. Hiện tại cháu K còn nhỏ cần được sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ.

Căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị H được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Sơn Xuân K, sinh ngày 10/6/2020 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị H và anh R không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về tài sản chung và nợ phải thu, phải trả*: Chị H và anh R không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về án phí*: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị Thạch Thị H phải chịu án phí theo quy định.

Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 235, 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Thạch Thị H.

- *Về hôn nhân*: Xử cho chị Thạch Thị H được ly hôn với anh Sơn Sa R.

- *Về nuôi con*: Chị Thạch Thị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Sơn Xuân K, sinh ngày 10/6/2020 khi ly hôn.

Anh Sơn Sa R có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị H và anh R không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung và nợ phải thu, phải trả*: Chị H và anh R không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Buộc chị Thạch Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0019182, ngày 20 tháng 11 năm 2023 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Chị H đã nộp đủ án phí.

- *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Phương Hà